

Số: /KH-UBND Ninh Bình, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp
và chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3394/QĐ-BNN-KTHT ngày 11/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) triển khai thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030;

Trên cơ sở kế thừa kết quả triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030 của các tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình trước khi sắp xếp đơn vị hành chính¹;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 902/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 8 năm 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản (sau đây gọi chung là nông sản) trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030 với các nội dung như sau:

I. THỰC TRẠNG CƠ GIỚI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

Trong thời gian qua, các địa phương trên địa bàn tỉnh tích cực áp dụng cơ giới hóa nông nghiệp vào sản xuất. Hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có khoảng 395.700 máy phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản. Trong đó có 83 thiết bị bay không người lái, 555 máy gieo hạt, 629 máy cấy, 1.162 máy gặt đập liên hợp, 244 máy bón phân, 87 lò/máy sấy nông sản, 10.751 hệ thống máng ăn tự động, 11.969 hệ thống làm mát chuồng trại, 1.076 máy chế biến thức ăn gia súc, 591 máy chế biến thức ăn thủy sản, 17.263 hệ thống máy sục khí, đảo nước,... phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản².

¹ Kế hoạch số 3093/KH-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Hà Nam; Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Nam Định; Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình.

² Nguồn: Thống kê tỉnh Ninh Bình

Việc đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản thời gian qua đã mang lại nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến, thông minh trong các khâu sản xuất giúp cơ giới hóa nông nghiệp theo hướng đồng bộ; giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, góp phần thực hiện tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Hiện nay, tỷ lệ cơ giới hóa đối với cây trồng chủ lực (cây lúa) đạt trên 99% ở khâu làm đất, 25% ở khâu cấy, 10% ở khâu phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái và 96% ở khâu thu hoạch. Đối với chế biến nông sản, việc áp dụng cơ giới hóa góp phần phát triển các cơ sở chế biến quy mô lớn, hiện đại, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi liên kết gắn với chế biến, tiêu thụ; giảm tổn thất sau thu hoạch, đa dạng hóa sản phẩm, tăng tỷ trọng chế biến sâu; đẩy mạnh các sản phẩm nông sản chủ lực xuất khẩu và phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập cho nhân dân, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế. Ước tính năm 2026, tốc độ tăng giá trị gia tăng của công nghiệp chế biến nông sản đạt 8%/năm; tỷ lệ cơ sở chế biến, bảo quản nông sản chủ lực có trình độ công nghệ trung bình, tiên tiến đạt 70%; tỷ trọng giá trị xuất khẩu nông sản chủ lực là sản phẩm chế biến đạt 45%; tỷ lệ giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản chủ lực duy trì mức 0,5-1%/năm.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Ninh Bình còn gặp nhiều khó khăn, thách thức trong đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp tại địa phương, đó là: Khung chính sách về cơ giới hóa nông nghiệp chưa đồng bộ; quy mô sản xuất nhỏ, manh mún, phân tán, khó tích tụ đất đai; dịch vụ cơ giới hóa chưa phát triển, chi phí đầu tư máy móc lớn, khả năng tiếp cận vốn còn hạn chế; nguồn nhân lực vận hành, bảo trì máy móc còn yếu; liên kết giữa sản xuất, dịch vụ cơ giới hóa và chuỗi giá trị chưa chặt chẽ; cơ sở hạ tầng phục vụ cơ giới hóa chưa đồng bộ; các doanh nghiệp chế biến chủ yếu ở quy mô nhỏ và siêu nhỏ, năng lực công nghệ và quản trị còn hạn chế; công tác quản lý nhà nước tại địa bàn cấp xã còn gặp khó khăn sau sáp nhập.

Do vậy, việc thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản trong giai đoạn tới là một trong những đột phá chiến lược để nâng cao năng suất, hiệu quả, hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, bền vững, toàn diện.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với điều kiện tự nhiên, quy mô sản xuất và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sau sáp nhập; ưu tiên các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu và các ngành hàng chủ lực có giá trị kinh tế cao.

2. Phát triển cơ giới hóa nông nghiệp gắn với phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và phát triển bền vững; thúc

đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm nông sản.

3. Khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển cơ giới hóa nông nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp; ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, công nghệ số, tự động hóa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

4. Phát huy lợi thế về không gian phát triển của tỉnh Ninh Bình sau sáp nhập, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, trung tâm chế biến nông sản tập trung; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông minh, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong cơ giới hóa, chế biến và phát triển thị trường nông, lâm, thủy sản theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Bảo đảm năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội; bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tại các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung được cơ giới hóa.

- Phát triển chế biến nông, lâm, thủy sản hiện đại, hiệu quả và bền vững, đáp ứng nhu cầu và các quy định của thị trường tiêu thụ.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Cơ giới hóa nông nghiệp đối với từng lĩnh vực sản xuất

- Lĩnh vực trồng trọt: Phát triển cơ giới hóa đồng bộ đối với các cây trồng chủ lực của tỉnh; phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ cơ giới hóa đạt khoảng 95%, tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 70%. Trong đó, khâu làm đất cơ bản đạt 100%; khâu gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch từng bước được cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ số và thiết bị bay không người lái nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Lĩnh vực chăn nuôi: Đẩy mạnh cơ giới hóa, tự động hóa trong chăn nuôi tập trung, chăn nuôi trang trại theo hướng hiện đại, an toàn sinh học; phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ cơ giới hóa đạt trên 90%, tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 60%. Tăng cường áp dụng hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động, hệ thống làm mát, xử lý môi trường chăn nuôi và xử lý chất thải nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Lĩnh vực thủy sản: Đẩy mạnh cơ giới hóa, ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng và khai thác thủy sản; phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ cơ giới hóa trong nuôi trồng thủy sản đối với các trang trại và mô hình nuôi tập trung đạt trên 90%; trong đánh bắt, bảo quản trên tàu cá đạt trên 95%. Từng bước cơ giới hóa các khâu cho ăn, chăm sóc, kiểm soát môi trường nước, thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch.

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Từng bước ứng dụng cơ giới hóa trong các khâu làm đất, trồng, chăm sóc, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng; phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ cơ giới hóa đạt trên 50%.

- Lĩnh vực diêm nghiệp: Cấp nước, tiêu nước, gom muối trên đồng và thu hoạch, vận chuyển muối đạt trên 90% vào năm 2030.

b) Phát triển chế biến, bảo quản nông sản

- Phân đầu tốc độ tăng giá trị gia tăng của công nghiệp chế biến nông sản giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 10%/năm.

- Trên 70% cơ sở chế biến, bảo quản nông sản chủ lực đạt trình độ công nghệ trung bình, tiên tiến trở lên; tăng cường ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số và các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như HACCP, ISO 22000,...

- Phân đầu đến năm 2030, tỷ trọng giá trị xuất khẩu nông sản chủ lực là sản phẩm chế biến đạt 60%; hình thành và phát triển các cơ sở, doanh nghiệp chế biến nông sản hiện đại gắn với vùng nguyên liệu tập trung và chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm.

- Giảm tổn thất sau thu hoạch đối với các sản phẩm nông sản chủ lực từ 0,5 - 1,0%/năm.

IV. NỘI DUNG

1. Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp

Phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ thông minh, chuyển đổi số và công nghệ thân thiện với môi trường phù hợp với quy mô sản xuất, điều kiện thực tế và lợi thế của từng vùng, từng ngành hàng; gắn với phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản.

Tập trung xây dựng và nhân rộng các mô hình cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp từ khâu sản xuất, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản đến chế biến sản phẩm; khuyến khích phát triển các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã cung cấp dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp, chuyển giao khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp hiện đại, thông minh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

1.1. Lĩnh vực trồng trọt

a) Đối với cây lúa và các cây trồng chủ lực:

- Đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch; từng bước thay thế lao động thủ công bằng máy móc, thiết bị hiện đại phù hợp với điều kiện sản xuất của từng địa phương.

- Khuyến khích nhân rộng mô hình mạ khay, cấy máy; ứng dụng máy gieo hạt, máy phun thuốc bảo vệ thực vật, thiết bị bay không người lái và hệ thống tưới tiết kiệm, tưới tự động nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục sử dụng máy gặt đập liên hợp có tính năng kỹ thuật cao nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng nông sản.

- Khuyến khích đầu tư hệ thống sấy, kho bảo quản, cơ sở sơ chế gắn với hợp tác xã, doanh nghiệp và vùng nguyên liệu tập trung; áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong bảo quản nông sản.

b) Đối với rau, củ, quả, hoa và cây ăn quả:

- Tăng cường áp dụng cơ giới hóa trong khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản sản phẩm.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; ứng dụng công nghệ điều khiển nhiệt độ, độ ẩm và quản lý dịch hại nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Phát triển hệ thống sơ chế, đóng gói, bảo quản lạnh tại các hợp tác xã, doanh nghiệp và vùng sản xuất tập trung; giảm tổn thất sau thu hoạch và bảo đảm an toàn thực phẩm.

1.2. Lĩnh vực chăn nuôi

Đẩy mạnh áp dụng máy móc, thiết bị và công nghệ tự động hóa trong chăn nuôi theo hướng công nghiệp, an toàn sinh học và thân thiện với môi trường; ưu tiên ứng dụng hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động, hệ thống làm mát, xử lý chất thải chăn nuôi, công nghệ xử lý môi trường và thiết bị phục vụ giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

1.3. Lĩnh vực thủy sản

Tăng cường ứng dụng cơ giới hóa và công nghệ hiện đại trong nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản; áp dụng máy móc, thiết bị trong các khâu cho ăn, chăm sóc, sục khí, kiểm soát môi trường nước, thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch. Khuyến khích phát triển các mô hình nuôi thủy sản ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

1.4. Lĩnh vực lâm nghiệp

Từng bước áp dụng cơ giới hóa trong các khâu làm đất, trồng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác và phòng cháy, chữa cháy rừng; nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

1.5. Lĩnh vực diêm nghiệp

Đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất muối tại các vùng sản xuất tập trung; ứng dụng máy bơm nước, hệ thống cấp nước, thiết bị thu gom, vận chuyển muối và các công nghệ tiên tiến nhằm giảm lao động thủ công, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất.

Khuyến khích đầu tư các cơ sở sơ chế, chế biến muối; phát triển sản phẩm muối giá trị gia tăng gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững ngành diêm nghiệp.

2. Phát triển chế biến, bảo quản nông sản

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường trong bảo quản, sơ chế và chế biến nông sản; hiện đại hóa

trang thiết bị nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và các thành phần kinh tế khác đầu tư, mở rộng các cơ sở chế biến, bảo quản gắn với vùng nguyên liệu tập trung, các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và đặc sản địa phương.

- Ưu tiên thu hút đầu tư vào các cơ sở chế biến sâu sản phẩm lúa gạo, rau quả, sản phẩm chăn nuôi, thủy sản và các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của tỉnh; từng bước hình thành các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản.

- Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc, kết nối cung cầu, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ các chủ thể tham gia thương mại điện tử và các nền tảng số.

- Phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh như lúa chất lượng cao, rau màu, cây ăn quả, cây dược liệu, thủy sản và muối gắn với các cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng chuỗi liên kết bền vững giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

Rà soát, bổ sung và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp, chế biến và bảo quản nông sản; tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn tín dụng phục vụ đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ và phát triển sản xuất.

2. Phát triển vùng nguyên liệu tập trung

Hình thành các vùng nguyên liệu theo hướng tập trung, chuyên canh, hiện đại gắn với chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn và phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, đa giá trị, gồm: Vùng sản xuất lúa hàng hóa, lúa chất lượng cao; vùng trồng rau màu, cây thực phẩm và hoa màu ngắn ngày; vùng trồng cây ăn quả; vùng trồng cây dược liệu và cây đặc sản; vùng chăn nuôi; vùng nuôi trồng và khai thác thủy sản; vùng sản xuất lâm nghiệp, rừng đặc dụng và rừng sinh thái để thuận tiện đưa máy móc hiện đại vào sản xuất, góp phần cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và chế biến nông sản.

3. Phát triển kết cấu hạ tầng và tổ chức sản xuất

- Đầu tư, nâng cấp kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp như giao thông nội đồng, hệ thống thủy lợi, điện phục vụ sản xuất, kho bảo quản, cơ sở sơ chế và logistics nông nghiệp; phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với cơ giới hóa đồng bộ và liên kết chuỗi giá trị.

- Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp; nâng cao năng lực của hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp trong liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản. Đẩy mạnh tập trung đất đai, tăng quy mô sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi áp dụng cơ giới hóa và phát triển chế biến nông sản; phát triển các tổ chức hợp tác, trung tâm nghiên cứu, chuyển giao khoa học, công nghệ và kinh doanh

dịch vụ cơ giới nông nghiệp; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò là “trụ cột” của chuỗi giá trị.

- Phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản được cơ giới hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; chú trọng phát triển các doanh nghiệp chế biến, bảo quản có đủ năng lực về vốn, công nghệ và thị trường tiêu thụ để dẫn dắt chuỗi giá trị nông sản, vận hành một cách thông suốt, hiệu quả; khuyến khích phát triển các cụm liên kết làm động lực của các vùng.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

- Khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ số, công nghệ tự động hóa trong sản xuất, chế biến và bảo quản nông sản; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích phát triển các tổ chức, trung tâm hoạt động trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp tại các địa phương trên địa bàn tỉnh để chế tạo, cung cấp máy, thiết bị, công nghệ, dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ; chuyển giao khoa học, công nghệ và các ý tưởng đổi mới, sáng tạo để phát triển cơ giới hóa trong sản xuất nông.

- Sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, hiện đại hóa trang thiết bị bảo quản, chế biến nông sản để đa dạng hóa sản phẩm chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, hạ giá thành; tăng cường chế biến sâu tạo ra giá trị gia tăng cao, tăng khả năng cạnh tranh của nông sản; kiểm soát được chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Khuyến khích đầu tư mới và mở rộng cơ sở chế biến, bảo quản, bảo đảm đủ năng lực chế biến, bảo quản đối với sản phẩm chủ lực, gắn với vùng nguyên liệu sản xuất tập trung.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào đầu tư phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

5. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý, vận hành máy móc, thiết bị, ứng dụng công nghệ, kỹ năng thương mại và phát triển thị trường cho cán bộ quản lý, kỹ thuật viên, doanh nghiệp, hợp tác xã và người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và chế biến nông sản. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu vận hành công nghệ tiên tiến, hiện đại.

6. Tăng cường sự hợp tác, phối hợp giữa các đơn vị, tổ chức, chuyên gia, địa phương

- Tăng cường chia sẻ thông tin, trao đổi kinh nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến giữa các đơn vị, tổ chức, chuyên gia, địa phương có kinh nghiệm trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

- Triển khai thực hiện các nội dung thỏa thuận về lĩnh vực nông nghiệp của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Tăng cường áp dụng quy

trình công nghệ, hệ thống quản trị tiên tiến và hiện đại của thế giới nhằm đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ và năng lực trong cơ giới hóa và chế biến nông sản phù hợp với điều kiện trong nước.

7. Huy động nguồn lực

Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư phát triển cơ giới hóa nông nghiệp, chế biến và bảo quản nông sản; lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án khác trong nông nghiệp, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương); kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia; vốn lồng ghép các chương trình, đề án, kế hoạch, dự án liên quan; nguồn vốn tài trợ, viện trợ, nguồn vốn hợp pháp từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể và khả năng cân đối nguồn lực, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương hằng năm xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện theo quy định để tổ chức triển khai kế hoạch.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Chủ trì tham mưu rà soát, xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển cơ giới hóa nông nghiệp, chế biến, bảo quản và phát triển thị trường nông sản phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ngành và địa phương định hướng phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng nguyên liệu phục vụ chế biến; thúc đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với ứng dụng cơ giới hóa, chuyển đổi số và phát triển nông nghiệp bền vững.

- Tham mưu thực hiện các giải pháp tích tụ, tập trung đất đai; hình thành vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn tạo điều kiện áp dụng cơ giới hóa đồng bộ.

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, xây dựng và nhân rộng các mô hình cơ giới hóa đồng bộ, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mô hình liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ hiệu quả.

- Chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cho cấp có thẩm

quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản trong và ngoài tỉnh; hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, quảng bá sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP và đặc sản địa phương.

- Phối hợp thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến nông sản; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ phục vụ chế biến, bảo quản nông sản.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ số, công nghệ tự động hóa trong sản xuất, chế biến và bảo quản nông sản.

- Hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; triển khai truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Lồng ghép nội dung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp, chế biến và bảo quản nông sản vào Kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chung của toàn ngành giáo dục; tăng cường công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề gắn với nhu cầu thực tiễn và yêu cầu phát triển của ngành nông nghiệp.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực 7

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng ưu tiên nguồn vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân tiếp cận nguồn vốn tín dụng để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

7. Các Sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung của Kế hoạch.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Rà soát, định hướng phát triển vùng nguyên liệu sản xuất tập trung; hỗ trợ người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản.

- Lồng ghép các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp để triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia thực hiện.

- Hằng năm, phối hợp với các sở, ngành liên quan thống kê, đánh giá tình hình cơ giới hóa nông nghiệp, chế biến và bảo quản nông sản tại địa phương. Khảo sát, tổng hợp nhu cầu đầu tư, trang bị máy móc, thiết bị phục vụ cơ giới hóa của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; báo cáo cơ quan chuyên môn để tổng hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ theo quy định.

9. Chế độ thông tin báo cáo

Định kỳ hằng năm, trước ngày 05 tháng 12 (hoặc đột xuất) các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn đề nghị các đơn vị báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Phát triển nông thôn) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành của tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, VP3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU VỀ CƠ GIỚI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ BIẾN NÔNG LÂM THỦY SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2026	Năm 2030	Ghi chú
I	Cơ giới hóa nông nghiệp đối với từng lĩnh vực sản xuất				
1	Trồng trọt (cây trồng chủ lực)				
	Tỷ lệ cơ giới hóa	%	>92	95	
	Tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ	%	65	>70	
2	Chăn nuôi (vật nuôi chủ lực)				
	Tỷ lệ cơ giới hóa	%	82	>90	
	Tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ	%	55	>60	
3	Thủy sản				
	Tỷ lệ cơ giới hóa sản xuất nuôi trồng thủy sản	%	>70	>90	
4	Lâm nghiệp				
	Tỷ lệ cơ giới hóa các khâu làm đất, trồng cây, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, phòng chống cháy rừng	%	40	50	
5	Diêm nghiệp				
	Cấp nước, tưới tiêu, thu gom muối trên đồng và thu hoạch, vận chuyển muối	%	74	>90	
II	Phát triển chế biến, bảo quản nông sản				
1	Tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến nông sản	%/năm	>8	10	
2	Tỷ lệ cơ sở chế biến, bảo quản nông sản chủ lực đạt trình độ công nghệ trung bình, tiên tiến	%	70	>70	
3	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu nông sản chủ lực là sản phẩm chế biến	%	45	60	
4	Tỷ lệ giảm tổn thất sau thu hoạch đối với các sản phẩm nông sản chủ lực	%/năm	0,5 - 1,0	0,5 - 1,0	

Phụ lục II
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VỀ CƠ GIỚI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ BIẾN
NÔNG LÂM THỦY SẢN ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Cơ giới hóa các ngành sản xuất chính và chế biến bảo quản nông lâm thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026-2030	
2	Hoàn thiện về thể chế, chính sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026-2030	
2.1	<i>Rà soát các cơ chế, chính sách và văn bản quản lý nhà nước nhằm thúc đẩy phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026-2030	
2.2	<i>Hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai, tạo điều kiện tích tụ đất đai và cơ chế phối hợp giữa các ngành, địa phương để tổ chức sản xuất nông nghiệp quy mô hàng hóa lớn.</i>				
3	Phát triển vùng nguyên liệu tập trung	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026-2030	
4	Phát triển kết cấu hạ tầng và tổ chức sản xuất			2026-2030	
4.1	<i>Đầu tư, nâng cấp kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026-2030	
4.2	<i>Phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập</i>	Sở Nông nghiệp và Môi	Các Sở, ban, ngành liên	2026-2030	

	<i>trung gắn với cơ giới hóa đồng bộ và liên kết chuỗi giá trị</i>	trường	quan; UBND các xã, phường		
4.3	<i>Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026-2030	
5	Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số: Xây dựng cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp, quản lý vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ nông sản	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026-2030	
6	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026-2030	
7	Huy động nguồn lực để triển khai thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các Sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	
8	Xây dựng mô hình cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các Sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	
9	Tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị của tỉnh; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026-2030	

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN CƠ GIỚI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ BIẾN NÔNG
LÂM THỦY SẢN ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Stt	Danh mục các Chương trình, Dự án ưu tiên	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khảo sát thực trạng cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	Hàng năm	
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp, quản lý vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ nông sản	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026-2030	
3	Xây dựng mô hình cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các Sở, ban, ngành liên quan	Hàng năm	
4	Chương trình đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản, an toàn vệ sinh lao động	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Hàng năm	